

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 197/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2007

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Nghệ An đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại tờ trình số 519/TTr-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2007 và văn bản số 6296/UBND-TH ngày 01 tháng 10 năm 2007 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 8583/BKH-TĐ&GSĐT ngày 22 tháng 11 năm 2007 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Tiếp tục đổi mới và tạo đột phá để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của Tỉnh trên cơ sở phát huy nội lực gắn với tranh thủ tối đa ngoại lực trong thể chế động hội nhập và cạnh tranh quốc tế; hợp tác chặt chẽ với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

2. Tập trung nguồn lực tạo ra các cực tăng trưởng, vùng, khu trọng điểm và phát triển mạnh một số lĩnh vực, sản phẩm đột phá nhằm tạo đà cho tăng trưởng nhanh nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, hiện đại.

3. Phát triển nhanh các ngành dịch vụ: du lịch, thương mại, vận tải, bưu chính viễn thông, giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; các ngành công nghiệp có lợi thế tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế như: công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản, thực phẩm, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí v.v... Xây dựng một nền nông - lâm nghiệp - thủy sản đa dạng gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái.

4. Đảm bảo đạt đồng thời 3 mục tiêu: kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

5. Coi trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực để thu hút đầu tư, khai thác các nguồn lực của Tỉnh và bên ngoài.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đưa Nghệ An thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo và kém phát triển vào năm 2010; cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020; quyết tâm đưa Nghệ An sớm trở thành một trong những tỉnh khá của cả nước. Xây dựng Nghệ An trở thành một trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và khoa học - công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng cao, có nền văn hóa lành mạnh và đậm đà bản sắc xứ Nghệ; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

GDP (giá hiện hành) bình quân đầu người đạt 850 - 1.000 USD/người vào năm 2010, đạt khoảng 1.560 USD/người vào năm 2015 và đạt trên 3.100 USD/người vào năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân hằng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12 - 13%, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 12 - 12,5% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,5 - 12,0%.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng các ngành phi nông nghiệp; đặc biệt, thúc đẩy các ngành trong khu vực dịch vụ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn sau năm 2010. Năm 2010, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP đạt 39%, dịch vụ 37% và nông - lâm - thủy sản khoảng 24%; cơ cấu tương ứng của các ngành vào năm 2015 là 41,4%; 40,4% và 18,2%; vào năm 2020 là 43,0%; 43,0% và 14,0%.

Phát triển mạnh kinh tế đối ngoại. Hình thành một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt trên 350 triệu USD vào năm 2010, đạt khoảng 850 triệu USD vào năm 2015 và đạt khoảng 1.900 triệu USD vào năm 2020.

Phấn đấu mức thu ngân sách theo giá hiện hành trên địa bàn tăng bình quân hàng năm khoảng 24 - 25% trong cả thời kỳ 2006 - 2020; đạt khoảng 5.000 - 5.500 tỷ đồng vào năm 2010, chiếm 11,5% GDP; đạt khoảng 15.600 tỷ đồng vào năm 2015, chiếm 14,6% GDP và đạt khoảng 47.400 tỷ đồng vào năm 2020, chiếm 18,4% GDP.

b) Mục tiêu xã hội

Giảm mức sinh bình quân hàng năm từ 0,2 - 0,3‰ để ổn định quy mô dân số khoảng 3,5 triệu người vào năm 2020; tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm trong cả giai đoạn quy hoạch là 0,97%.

Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 30 - 32 nghìn lao động trong giai đoạn 2006 - 2010 và khoảng 28 - 30 nghìn lao động trong 10 năm tiếp theo. Đảm bảo 85 - 86% lao động trong độ tuổi có việc làm vào năm 2010 và nâng tỷ lệ này lên 89 - 90% vào năm 2020. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 40% vào năm 2010 (trong đó đào tạo nghề chiếm 25 - 27%) và 65 - 70% vào năm 2020.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 11 - 12% vào năm 2010 và còn khoảng 5% vào năm 2020. Hàng năm, số trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc tăng từ 15 - 20%.

Hoàn thành phổ cập giáo dục phổ thông trung học cho 95% học sinh tại thành phố, thị xã và thị trấn và 85% học sinh ở các vùng, xã miền núi khó khăn (bao gồm học nghề, giáo dục chuyên nghiệp, phổ thông và bổ túc). Kiên cố hóa toàn bộ trường và lớp học.

Đảm bảo đủ giường bệnh, nhân viên y tế, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh ở cả 3 tuyến. Nâng tuổi thọ trung bình lên 72 tuổi vào năm 2010 và trên 75 tuổi vào năm 2020.

Có 95% số dân được xem truyền hình và 100% được nghe đài phát thanh vào năm 2010 và các tỷ lệ này đạt 100% vào năm 2020.

Cải thiện cơ bản về kết cấu hạ tầng, bao gồm hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước sạch. Đến năm 2010, đầu tư xây dựng xong các tuyến đường vào trung tâm các xã chưa có đường ô tô, nâng cấp các tuyến đường vào trung tâm các xã mà ô tô chỉ đi được một mùa. Đảm bảo ít nhất 90% số hộ gia đình được dùng nước sạch, 98% số hộ có điện sử dụng vào năm 2010 và nâng các tỷ lệ này lên 100% vào năm 2020.

Tỷ lệ đô thị hóa đạt 17% vào năm 2010 và 37% vào năm 2020.

Diện tích nhà ở khu vực đô thị đạt 10 m²/người vào năm 2010, đạt 12 m²/người vào năm 2015, đạt 18 - 20 m²/người vào năm 2020.

Bảo đảm trật tự an toàn xã hội và quốc phòng - an ninh. Thực hiện tốt mục tiêu "ba giảm, ba yên" trên địa bàn. Giảm tối đa các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy và tai nạn giao thông; đảm bảo 100% người nghiện ma túy được phát hiện, quản lý, cai nghiện và hạ thấp tỷ lệ tái nghiện.

c) Mục tiêu bảo vệ môi trường

Cơ bản phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng của độ che phủ, đạt 53% vào năm 2010 và 60% vào năm 2020.

Đảm bảo môi trường sạch cho cả khu vực đô thị và nông thôn: 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 80% rác thải được thu gom, xử lý trong giai đoạn đến năm 2010 và 95 - 100% vào năm 2020.

III. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ THEO NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

- Hình thành các cực tăng trưởng, vùng trọng điểm: Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, thành phố Vinh, Hoàng Mai, Thái Hoà, Con Cuông, vùng ven biển, các khu công nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tiềm lực khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ ở cả đô thị và nông thôn.

- Tập trung đầu tư để hình thành hệ thống các sản phẩm chủ lực trong những ngành và lĩnh vực có lợi thế so sánh (nhất là ngành dịch vụ) nhằm tạo ra thế và lực cho sự phát triển lâu dài của Tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách, nhất là cải cách hành chính, đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút mạnh hơn các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá; phát triển các đô thị trung tâm, đô thị ngoại vi và các điểm dân cư nông thôn nhằm tạo ra một bức tranh phân bố dân cư mới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp - Xây dựng

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh và thị trường ổn định; quan tâm phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao để tạo đột phá cho tăng trưởng của Tỉnh.

- Nhịp độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 18,9 - 20,7%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,0 - 14,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,0 - 12,5%/năm.

- Đến năm 2020, công nghiệp chiếm khoảng 23 - 24% GDP. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyên dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, đạt khoảng 88% vào năm 2020.

- Phát triển các lĩnh vực công nghiệp chủ yếu sau:

- + Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thành một ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh, khuyến khích phát triển các sản phẩm mới, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để đáp ứng nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu.

+ Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, thực phẩm có thế mạnh của Tỉnh.

+ Tập trung khai thác, tinh luyện thiếc; khai thác và chế biến đá trắng.

+ Hướng tới phát triển công nghiệp cơ khí, hóa dầu, công nghiệp điện tử - tin học - viễn thông, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp sản xuất vật liệu mới, thiết bị tự động hóa, công nghệ sinh học v.v... trở thành công nghiệp quan trọng, có giá trị gia tăng lớn trong sản xuất công nghiệp của Tỉnh.

+ Phát triển công nghiệp dệt may, da giày. Xây dựng Nghệ An thành điểm trung tâm công nghiệp dệt may của khu vực Bắc Trung Bộ. Từng bước hình thành các cụm dệt may tại thành phố Vinh và các huyện phụ cận, khu vực miền núi (tại các khu công nghiệp Phú Quý, Anh Sơn).

+ Phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: triển khai thực hiện Đề án Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An nhằm tạo đột phá trong phát triển công nghiệp của Tỉnh. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng khu công nghiệp Nam Cẩm, Hoàng Mai, Phú Quý, nghiên cứu để có thể thành lập thêm các khu công nghiệp ở Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Đô Lương, Anh Sơn, Thanh Chương.

Tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các cụm công nghiệp và các làng nghề tại địa bàn các huyện.

2. Dịch vụ

Phát triển dịch vụ với tốc độ nhanh, bền vững, với mức tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng GDP của toàn nền kinh tế của Tỉnh trong giai đoạn sau 2010. Nâng cao hơn nữa vai trò của dịch vụ đối với nền kinh tế, hỗ trợ, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển. Xây dựng thành phố Vinh thành Trung tâm dịch vụ lớn.

Nhịp độ tăng trưởng dịch vụ bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 10,9 - 11,5%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,5 - 14,0%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,5 - 14,0%/năm. Chuyển dịch cơ cấu khu vực dịch vụ theo hướng tăng nhanh các dịch vụ chủ lực; hình thành các phân ngành, các sản phẩm dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao phù hợp với lợi thế của Tỉnh; tăng dần các dịch vụ cao cấp, chất lượng cao; tăng tỷ trọng của khu vực tư nhân.

Phát triển các phân ngành dịch vụ chủ yếu:

- Du lịch:

Phát triển du lịch Nghệ An nhằm đưa ngành du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh. Dự kiến mức tăng trưởng khách du lịch bình quân thời kỳ 2006 - 2010 là 12,9%/năm, thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 13%/năm. Phấn đấu để Nghệ An có hai đô thị du lịch (Vinh, Cửa Lò); một khu du lịch quốc gia (Kim Liên - Nam Đàn).

Phát triển đa dạng các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, tắm biển, văn hóa - lịch sử, nghiên cứu tìm hiểu thiên nhiên, giải trí cao cấp, du lịch hỗn hợp với các địa bàn trọng điểm như Nam Đàn và vùng phụ cận; thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Vườn quốc gia Pù Mát và vùng phụ cận; khu vực nước khoáng nóng Giang Sơn - Đô Lương, Quỳ Châu, Quế Phong, vùng du lịch biển Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Nghi Lộc.

- Thương mại:

Phát triển nhanh thị trường nội địa nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, tạo điều kiện để phát triển thương mại ở nông thôn, miền núi. Xây dựng Vinh - Cửa Lò trở thành trung tâm thương mại lớn của vùng Bắc Trung Bộ. Phát triển mạnh thương mại cửa khẩu, nhằm hình thành và phát triển một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu, phấn đấu đạt kim ngạch xuất khẩu 350 triệu USD vào năm 2010, đạt 850 triệu USD vào năm 2015, đạt khoảng 1.900 triệu USD vào năm 2020. Dự kiến tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ xã hội tăng bình quân 15,7%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và khoảng 10,0% giai đoạn 2011 - 2020.

Hoàn thiện mạng lưới bán buôn và bán lẻ hàng hoá, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại.

- Tài chính - ngân hàng:

Tạo điều kiện và đảm bảo cho các tổ chức tín dụng hoạt động, kinh doanh, thu hút các ngân hàng lớn trong và ngoài nước, các công ty chứng khoán thành lập các chi nhánh tại Tỉnh. Nâng dần tỷ lệ vốn vay trung và dài hạn phục vụ các chương trình, dự án trọng điểm của Tỉnh. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm. Có cơ chế ưu đãi để khuyến khích phát triển bảo hiểm phục vụ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp.

- Vận tải, kho bãi:

Phát triển đa dạng loại hình vận tải, tận dụng hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển và đường không; tạo đột phá trong vận tải biển, phát triển dịch vụ hàng hải và vận tải hành khách đường không. Từng bước nâng cao trình độ công nghệ vận tải và chất lượng dịch vụ. Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ vận tải.

- Phát triển bưu chính, viễn thông thành một trong những dịch vụ mũi nhọn, đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp ngày càng lớn cho GDP.

- Phát triển nhanh các ngành dịch vụ tư vấn, khoa học công nghệ, kinh doanh tài sản, đầu tư, dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng.

3. Nông - lâm - thủy sản

Nhịp độ tăng trưởng nông - lâm - thủy sản bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 5,3%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 5,2%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,9%/năm.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành nông nghiệp trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu, hình thành một số vùng cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả tập trung, quy mô lớn gắn với các cơ sở chế biến như: mía, lạc, vừng; chè, cà phê, cao su; cam, dứa.

Phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò, lợn và gà, vịt; đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, chiếm trên 50% giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn sau 2010. Đầu tư hình thành và phát triển đồng cỏ phục vụ chăn nuôi đại gia súc.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp, phát triển trồng các loại cây phục vụ sản xuất đồ gỗ cao cấp, ván ép thanh, nguyên liệu giấy. Làm tốt công tác bảo vệ rừng đặc dụng, rừng nguyên sinh và rừng phòng hộ đầu nguồn.

Phát triển thủy sản một cách toàn diện, bao gồm đánh bắt và nuôi trồng, chú trọng mở rộng nuôi trồng trên biển; đưa nhanh diện tích mặt nước các hồ đập lớn vào nuôi trồng thủy sản. Mở rộng diện tích nuôi trồng đi đôi với đầu tư thâm canh các loại con nuôi có giá trị kinh tế cao và thị trường ổn định.

Mở rộng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông - lâm - thủy sản.

4. Các lĩnh vực xã hội

- Giáo dục, đào tạo: xây dựng Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ. Đầu tư nâng cấp trường Đại học Vinh trở thành trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Nâng cấp và bổ sung mạng lưới các trường dạy nghề, đảm bảo yêu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho Tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ.

Phấn đấu đưa giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông đạt mức tiên tiến so với cả nước. Nâng tỷ lệ huy động số cháu trong độ tuổi đến nhà trẻ lên 25% vào năm 2010 và lên 50% vào năm 2020. Tỷ lệ số cháu đến lớp mẫu giáo đạt 75 - 80% vào năm 2010, đạt 85 - 90% vào năm 2020. Đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học phổ thông vào năm 2010 ở thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và một số huyện đồng bằng, ven biển; tiến tới hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông toàn Tỉnh vào năm 2020.

Tỷ lệ trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia chiếm khoảng 60% vào năm 2010 và khoảng 90% vào năm 2020.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

- Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: xây dựng Trung tâm y tế kỹ thuật cao khu vực Bắc Trung Bộ tại thành phố Vinh, đẩy nhanh việc xây dựng Bệnh viện đa khoa 700 giường, thành lập trường Đại học Y Dược, phấn đấu sau năm 2010 có bệnh viện đạt tiêu chuẩn Quốc tế, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng của Tỉnh. Nhanh chóng xây dựng theo hướng hiện đại các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, thành lập Trung tâm kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng Trung tâm Sức khỏe lao động - Môi trường. Cùng cố, phát triển các Trung tâm y tế dự phòng, bệnh viện tuyến huyện. Chú trọng phát triển y học cổ truyền dân tộc. Nâng cấp cơ sở vật chất và tăng cường nhân lực cho các cơ sở y tế cấp xã, phường, đảm bảo 100% đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2020.

- Văn hóa - thông tin: xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn phát triển văn hóa xứ Nghệ. Tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh. Hoàn thiện cơ bản việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa. Xây dựng, nâng cấp hiện đại hóa cơ sở vật chất của ngành Văn hóa - Thông tin.

- Thể dục - thể thao: xây dựng Nghệ An thành một trung tâm thể dục - thể thao mạnh của cả nước. Phát triển thể thao thành tích cao để luôn đứng trong top 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Có định hướng cụ thể và đầu tư thỏa đáng cho các môn thể thao thể mạnh của Tỉnh.

- Khoa học và công nghệ: ưu tiên chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống; tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học, công nghệ theo hướng xã hội hóa, vận hành theo cơ chế thị trường. Phân công, phân cấp mạnh mẽ trong quản lý khoa học, tạo tự chủ trong nghiên cứu và hoạt động.

- Lao động, việc làm: tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo nhiều việc làm và tăng mức thu nhập cho người lao động; phát triển đào tạo nghề để tăng cơ hội tìm việc cho người lao động. Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển thị trường lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động.

- Quốc phòng - an ninh: kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng một số công trình phòng thủ ở một số điểm trọng yếu trên địa bàn Tỉnh.

- Môi trường và phòng chống, giảm nhẹ thiên tai: bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại của bụi khói, chất thải, khí độc. Làm tốt công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, tạo điều kiện phát triển mạnh dịch vụ vận tải.

- Đường bộ:

+ Xây dựng đường cao tốc Vinh - Hà Nội, mở rộng đoạn Vinh - Quán Hành, xây dựng cầu vượt đường sắt tại các điểm trọng yếu.

+ Nâng cấp đường Hồ Chí Minh, đoạn qua Nghệ An, với quy mô 4 - 6 làn xe.

+ Mở rộng quốc lộ 1A tại các đoạn qua các thị trấn Cầu Giát, Hoàng Mai, Khu công nghiệp Nam Cẩm v.v...

+ Xây dựng tuyến đường quốc lộ ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Nghi Lộc để nối với tuyến đường đã có ở Cửa Lò.

+ Xây dựng cầu Bến Thủy 2 nối đường tránh Vinh tại xã Hưng Lợi và cầu vượt sông Lam tại Cửa Hội qua Nghi Xuân (Hà Tĩnh).

+ Nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đường quốc lộ 7, 48, 46, 15A; hoàn thiện quy hoạch hai bên đường Hồ Chí Minh qua địa bàn Tĩnh, dài 132 km; kéo dài tuyến quốc lộ 48 từ huyện Quế Phong lên cửa khẩu Thông Thụ, dài 40 km; xây dựng đường quốc lộ 46 tránh thành phố Vinh từ Quán Bánh cắt quốc lộ 1A tránh thành phố Vinh đến Nam Đàn với quy mô 06 làn xe.

+ Nâng cấp và hoàn chỉnh các tuyến tỉnh lộ và hệ thống giao thông vùng nguyên liệu, phục vụ du lịch, các khu công nghiệp, các tuyến đường đến trung tâm xã, các tuyến đường kinh tế kết hợp với quốc phòng, các tuyến đường tuần tra biên giới, các tuyến đường giao thông biên giới, hệ thống giao thông nội thành, nội thị; bao gồm:

. Hoàn thành việc xây dựng đường ven sông Lam, dài 60 km.

. Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính vùng nguyên liệu chè Anh Sơn, Thanh Chương, vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2 Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông; đường Dinh - Lát, Lát - Cây Chanh, đường Sen - Sờ, đường tả ngạn sông Lam.

. Xây dựng cầu Yên Xuân sang vùng 05 Nam của huyện Nam Đàn và nối với huyện Đức Thọ của tỉnh Hà Tĩnh.

. Xây dựng hệ thống cầu qua sông Lam và sông Hiếu và các sông khác thuộc các huyện Đô Lương, Thanh Chương, Anh Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quỳnh Châu, Quế Phong v.v... và hệ thống đường vùng tả ngạn khoảng 120 km.

. Hoàn thành xây dựng các tuyến đường nối các huyện miền Tây Nghệ An: tuyến nối quốc lộ 7 với quốc lộ 48, dài 123 km (qua 3 huyện: Tương Dương, Con Cuông, Quỳnh Hợp); đường Châu Thôn - Tân Xuân (điểm đầu tại đường Tây Nghệ An, điểm cuối tại đường HCM), dài 127 km, qua 4 huyện: Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ); đường Xiêng Thù - Yên Tĩnh (qua 2 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương).

. Xây dựng đường Tây Nghệ An: tuyến chính dài 233 km, từ Mường Xén (Kỳ Sơn) đến Bàn Páng (Quế Phong), một số tuyến nhánh vào trung tâm các xã và một số đồn biên phòng, với chiều dài khoảng 47 km.

. Tiếp tục triển khai rải nhựa đường Mường Xén - Khe Kiền, với chiều dài khoảng 100 km.

. Xây dựng đường vào trung tâm các xã chưa có đường ô tô. Nâng cấp đường vào các xã chỉ đi được một mùa.

. Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường tại thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các đô thị mới theo quy hoạch. Xây dựng và trang bị hệ thống thiết bị điều khiển, xử lý giao thông tự động tại thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các đô thị khác.

. Xây dựng mới một số bến xe tại thành phố Vinh.

- Đường sắt:

Xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Vinh - Hà Nội; khôi phục tuyến Quán Hành - Cửa Lò, nâng cấp tuyến Nghĩa Đàn - Cầu Giát, mở mới tuyến Đô Lương - Quán Hành. Nâng cấp ga Vinh thành ga loại I, tách ga hàng hóa ra khỏi ga hành khách hiện nay; nâng cấp các ga phụ, phục hồi ga Diễn Châu.

- Đường hàng không:

Xây dựng nâng cấp Sân bay Vinh đạt cấp cảng hàng không 4C (theo ICAO) và sân bay quân sự cấp II. Mở thêm một số tuyến bay mới Vinh - Viên Chăn (Lào), Vinh - Đông Bắc Thái Lan, Vinh - Hải Nam (Trung Quốc).

- Đường thủy:

+ Đầu tư nâng cấp cảng Cửa Lò: nạo vét luồng lạch cho tàu ra vào thuận lợi. Nâng công suất cảng đạt 6 - 8 triệu tấn vào năm 2020, gắn với hình thành và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An. Xây dựng cầu cảng du lịch Cửa Lò.

+ Nâng cấp, đầu tư xây dựng các cảng Cửa Hội, Bến Thủy, Lạch Quèn, Lạch Thơi, Cửa Vạn v.v... phục vụ khai thác hải sản, vận tải hàng hóa.

+ Nghiên cứu xây dựng mới cảng chuyên dùng Đông Hải tại Quỳnh Lưu để phục vụ cho nhà máy nhiệt điện dùng than 1.800 MW trong tương lai.

+ Tiến hành cải tạo, nâng cấp, nạo vét luồng lạch hệ thống giao thông đường sông.

b) Thủy lợi

- Thường xuyên làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống hồ đập để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống thủy nông Bắc và thủy nông Nam đảm bảo tưới ổn định cho 70.000 ha. Tiếp tục thực hiện chương trình bê tông hoá kênh mương, đặc biệt chú trọng kênh cấp I và cấp II.

- Phát triển hệ thống thủy lợi tưới tiêu chủ động cho vùng chuyên canh lạc, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung.

- Củng cố hệ thống đê biển, đê sông một cách vững chắc để chống sạt lở ven biển, ven sông.

- Xây dựng công trình thủy lợi lớn như Bản Mòng (Quỳ Hợp), Thác Muối (Thanh Chương), thủy điện kết hợp thủy lợi Khe Bó (Tương Dương), Nậm Việc, Sao Va (Quế Phong); sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi khác ở các huyện; xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ vùng sản xuất muối.

c) Hệ thống cấp điện

- Đường dây 220 KV: xây dựng mới 168 km đường dây mạch kép Thủy điện Bản Vẽ - Đô Lương - Hưng Đông; 75 km đường dây 1 mạch Hưng Đông - Nghi Sơn.

- Đường dây 110 KV: xây dựng đường dây mạch kép, mạch đơn và cải tạo hệ thống mạch kép để đấu nối các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ vào hệ thống và cung cấp điện cho các phụ tải. Xây dựng mới đường dây mạch kép và đường dây mạch đơn đến các xã, khu kinh tế, các khu - cụm công nghiệp.

- Xây mới, cải tạo mạng đường dây trung thế (loại 22 KV, 35 KV). Tiếp tục phát triển, cải tạo mạng lưới điện và hệ thống các trạm ở các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn.

- Xây dựng các trạm 220 KV, 110 KV tương thích với việc truyền tải điện từ các nhà máy sản xuất điện và nơi tiêu thụ.

- Xây dựng xong các nhà máy thủy điện theo quy hoạch (Bản Vẽ, Khe Bó, Hòa Na, Sao Va, Bản Cốc, Nhân Hạc v.v...). Xúc tiến kêu gọi đầu tư để xây dựng nhà máy nhiệt điện dùng than (công suất 1.800 MW) tại Quỳnh Lưu.

d) **Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin:**

Phát triển mạng thông tin liên lạc hiện đại và đồng bộ, đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong hệ thống lãnh đạo và quản lý. Nâng cấp các tổng đài và cáp quang hóa toàn bộ hệ thống truyền dẫn; phủ sóng di động trong toàn Tỉnh; phát triển mạng lưới Internet tốc độ cao, truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số đến tất cả các xã. Hoàn chỉnh xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin để đưa Nghệ An trở thành tỉnh điện tử.

đ) **Cấp nước, thoát nước**

Xây dựng quy hoạch về nguồn nước cung cấp cho các đô thị và nông thôn nhất là các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng khan hiếm nước. Đánh giá lại nguồn nước ngầm và nước mặt để quản lý và sử dụng có hiệu quả. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư cho các công trình cấp nước. Xây dựng thêm các nhà máy nước phục vụ nhu cầu của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, các khu công nghiệp và các đô thị; nâng công suất của các nhà máy nước hiện có để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất. Sử dụng tổng hợp các biện pháp cung cấp nước sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của nhân dân vùng nông thôn như: xây dựng nhà máy, nối mạng từ nhà máy ở các đô thị, giếng đào, giếng khoan, cấp nước tự chảy v.v...

Tập trung đầu tư đồng bộ để nâng cấp, xây mới hệ thống thoát nước mưa và nước thải cho các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp. Đối với khu vực nông thôn, có phương án xử lý nước thải phù hợp để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và sức khỏe của người dân.

V. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Phát triển đô thị

- Tiến hành quy hoạch hệ thống đô thị của Tỉnh, từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và kỹ thuật hiện đại, môi trường trong sạch, phân bố hợp lý trên địa bàn cả Tỉnh, đảm bảo cho các đô thị phát triển ổn định, cân bằng và bền vững.

- Phân đấu tỷ lệ đô thị hoá đạt 17% vào năm 2010; 26% vào năm 2015 và khoảng 37% vào năm 2020.

- Phát triển thành phố Vinh thành đô thị loại I, là đô thị trung tâm kinh tế - văn hóa vùng Bắc Trung Bộ.

- Xây dựng các trung tâm đô thị cấp tỉnh: Hoàng Mai, Thái Hòa, Con Cuông, Diễn Châu, Đô Lương.

- Tăng cường đầu tư để phát triển các đô thị trung tâm cấp huyện, trung tâm các khu dân cư nông thôn (đô thị trung tâm cấp khu vực).

2. Phát triển nông thôn

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tăng hiệu quả và trình độ công nghệ. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn phù hợp với thế mạnh của Tỉnh và điều kiện thị trường. Phục hồi, củng cố các làng nghề đã có và hình thành các làng nghề mới.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực xã hội; chú trọng phổ cập giáo dục, lĩnh vực y tế dự phòng; nâng cấp các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, thể thao ở nông thôn.

- Xây dựng nông thôn theo hướng văn minh, xanh, sạch đẹp; có hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại, gắn với đô thị hóa. Đầu tư xóa đói, giảm nghèo, trước hết đối với vùng miền núi cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Có chính sách bảo đảm cung cấp giống, vật tư sản xuất với giá cả hợp lý cho vùng sâu, vùng xa.

- Phát triển rộng khắp mạng lưới thương mại nông thôn, miền núi.

- Làm tốt công tác nghiên cứu dự báo thông tin thị trường cho nông dân và doanh nghiệp.

3. Phát triển không gian kinh tế

a) Vùng miền núi (bao gồm 10 huyện)

- Tập trung đầu tư phát triển sản xuất các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả như: mía, chè, cà phê, cao su, cam, dứa; phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt; phát triển các loại cây trồng trên đất lâm nghiệp để phục vụ chế biến đồ gỗ, bột giấy và giấy.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản; công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng; gạch ốp lát, gạch ngói nung), sản xuất và cung cấp nguyên liệu để chế biến bột đá trắng; khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá bazan; khai thác và tinh luyện thiếc; xây dựng các nhà máy thủy điện; phát triển công nghiệp dệt may.

- Phát triển du lịch sinh thái gắn với các cảnh quan tự nhiên (Vườn quốc gia Pù Mát, Pù Huông, Pù Hoạt v.v...). Phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với các cửa khẩu đã có và sẽ xây dựng như Nậm Cắn (Kỳ Sơn), Thanh Thủy (Thanh Chương), Thông Thụ (Quế Phong).

b) Vùng đồng bằng, ven biển

- Phát triển các loại cây lương thực, nhất là lúa, hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng cao; cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả như: lạc, vùng, dứa; chăn nuôi gia súc, gia cầm: lợn, bò thịt, gà; nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.

- Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: xi măng (Quỳnh Lưu, Đô Lương), gạch, ngói lợp (bao gồm các sản phẩm truyền thống và vật liệu mới), đá ốp lát nhân tạo; đồ gốm, sứ cao cấp; hóa chất (sô đa); công nghiệp hóa dầu (ở khu công nghiệp Hoàng Mai); nhiệt điện dùng than (Quỳnh Lưu); các loại sản phẩm cơ khí, sản phẩm điện, điện tử, công nghệ thông tin, phần mềm (ở thành phố Vinh và vùng phụ cận, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An); tàu thủy (ở các huyện ven biển); chế biến nông - lâm - thủy sản (dứa; hàng thủy sản đông lạnh và các sản phẩm truyền thống của thủy sản; thịt gia súc, gia cầm; giấy, bột giấy, đồ gỗ cao cấp, hàng thủ công mỹ nghệ).

- Đẩy mạnh phát triển du lịch (du lịch biển, các di tích lịch sử, di tích văn hóa) và dịch vụ: vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế v.v...).

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh

Đẩy nhanh tiến trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan các cấp, tăng cường kỷ luật hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đi đôi với bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

2. Huy động nguồn vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư là rất lớn. Vì vậy, để thực hiện tốt Quy hoạch, Tỉnh cần tạo điều kiện thuận lợi và có chính sách sử dụng đất quỹ đất một cách hiệu quả, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng, cung cấp lao động theo yêu cầu cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Nghệ An.

- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu ra nước ngoài về các tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các đầu mối tiếp xúc. Đa dạng hóa hình thức huy động vốn đầu tư.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư cơ sở hạ tầng; huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao; ngân sách nhà nước chỉ ưu tiên đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm, mang tính gắn kết cao giữa các vùng.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức; có chính sách hấp dẫn để khuyến khích đội ngũ lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Thu hút các chuyên gia giỏi, lao động trình độ cao từ bên ngoài vào những lĩnh vực ưu tiên mà lực lượng tại chỗ còn thiếu.

- Thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo phù hợp đối với từng đối tượng là cán bộ quản lý và chuyên gia, đội ngũ các doanh nhân, đội ngũ công nhân kỹ thuật.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ: tăng cường và đẩy nhanh tốc độ chuyển giao công nghệ, nhất là những công nghệ phục vụ phát triển sản xuất các sản phẩm trọng điểm của Tỉnh. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng kịp thời công tác nghiên cứu triển khai. Tạo điều kiện thu hút các chuyên gia giỏi tham gia các chương trình khoa học công nghệ của Tỉnh.

- Tăng cường khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ đối với các ngành, lĩnh vực sản xuất.

- Có định hướng phù hợp để lựa chọn công nghệ cho một số ngành sản xuất quan trọng.

- Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý theo hướng đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư

- Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn bằng các cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích trong việc thuê đất, sử dụng đất thực hiện dự án, Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng; có cơ chế phối hợp cụ thể trong quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo hài hòa giữa quốc phòng và phát triển kinh tế.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nguồn đầu tư ngoài tỉnh, các nguồn vốn ODA, FDI. Ban hành cơ chế ưu đãi đầu tư phù hợp cho một số địa bàn.

- Ban hành các chính sách kích cầu để khuyến khích các thành phần đầu tư vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

b) Hỗ trợ phát triển các ngành

Tiếp tục thực hiện một số giải pháp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, như hỗ trợ công tác khuyến nông, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cung cấp thông tin thị trường, hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn.

Hỗ trợ hình thành và phát triển những ngành công nghiệp mới, những ngành có khả năng tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, nhất là công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, truyền thông và các lĩnh vực công nghệ cao khác.

c) Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Quan tâm mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Giảm giá thành, nâng cao chất lượng, đổi mới mẫu mã sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển thị trường một cách vững chắc; quan tâm hơn nữa việc tạo dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm hàng hoá có tiềm năng phát triển. Nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa của nông dân. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tìm kiếm phát triển thị trường.

d) Tăng cường hợp tác với các tỉnh và các nước trong khu vực

Tăng cường hợp tác với Hà Nội về du lịch và công nghiệp hướng về xuất khẩu như dệt may, điện tử. Đẩy mạnh hợp tác với Thanh Hóa về công nghiệp hóa dầu sau khi đưa vào vận hành khu lọc dầu Nghi Sơn. Nghiên cứu khả năng hợp tác với Hà Tĩnh trong phát triển các ngành cơ khí, chế tạo sử dụng công nghiệp khai thác, luyện kim của Hà Tĩnh. Phát triển công nghiệp phụ trợ cung cấp bán thành phẩm cho một số tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Đẩy mạnh hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh trong vùng, cả cấp đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Đẩy mạnh hợp tác với các nước bạn Lào, Thái Lan về du lịch, vận tải biển.

6. Dự kiến danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư (xin xem Phụ lục kèm theo).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

- Sau khi Quy hoạch được phê duyệt, tiến hành công bố rộng rãi, tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động tham gia thực hiện Quy hoạch.

- Xây dựng quy hoạch phát triển của các ngành và lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố, thị xã.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch bằng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu Quy hoạch đã được duyệt và các chỉ tiêu đặt ra trong từng thời kỳ.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện đầu tư phát triển theo Quy hoạch. Tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành và địa phương trong việc thực hiện Quy hoạch. Cuối mỗi kỳ quy hoạch tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu của kỳ tới cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch được phê duyệt; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu v.v... trên địa bàn để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Nghệ An đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

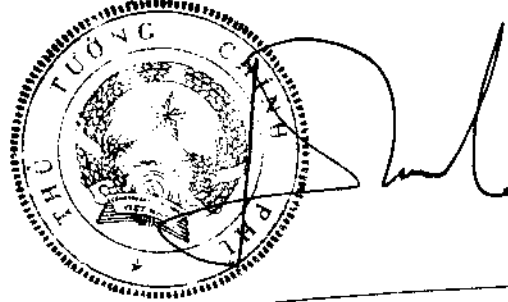
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Website Chính phủ,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP(5).Hà 305

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm
I	Các dự án nông - lâm - ngư	
1	Trồng và chế biến chè, cà phê, cao su, cam, dừa	Các huyện miền núi và một số huyện đồng bằng có đồi núi
2	Chuyên canh sản xuất rau an toàn	Một số huyện đồng bằng và vùng ven các đô thị
3	Các dự án chăn nuôi trâu, bò (bò thịt, sữa), lợn và một số gia cầm	Toàn Tỉnh
4	Trồng rừng nguyên liệu	Toàn Tỉnh
5	Trồng măng xuất khẩu	Các huyện miền núi
6	Nuôi tôm công nghiệp	Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, thành phố Vinh
7	Nuôi cá lồng trên biển	Quỳnh Lưu, Cửa Lò
II	Dự án công nghiệp	
8	Sản xuất đá trắng siêu mịn xuất khẩu	KCN Nam Cẩm, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn
9	Sản xuất đá granit tự nhiên	Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông
10	Xây mới các nhà máy xi măng Anh Sơn, Tân Kỳ, Đô Lương, Nghĩa Đàn	Anh Sơn, Tân Kỳ, Đô Lương, Nghĩa Đàn
11	Nâng công suất nhà máy xi măng Hoàng Mai	Hoàng Mai
12	Các nhà máy gạch ốp lát	KCN Nam Cẩm, Anh Sơn
13	Nhà máy bia Nam Cẩm, Rú Mượu	KCN Nam Cẩm, Hưng Nguyên
14	Nhà máy dừa quả Tân Kỳ	Tân Kỳ
15	Nhà máy chế biến nước hoa quả	Quỳnh Lưu hoặc Nghĩa Đàn
16	Nhà máy chế biến thịt hộp	KCN Nam Cẩm, Phú Quý, Anh Sơn
17	Nhà máy chế biến thủy sản	KCN Nam Cẩm, Hoàng Mai
18	Nhà máy chế biến bột giấy và giấy (đến năm 2010 xây dựng nhà máy bột giấy, sau năm 2010 khép kín sản xuất giấy)	Thanh Chương hoặc Tân Kỳ, KCN Hoàng Mai
19	Nhà máy sản xuất ván ép thanh	Anh Sơn
20	Các cơ sở chế biến đồ gỗ cao cấp	Các khu công nghiệp
21	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản	KCN Nam Cẩm

22	Các nhà máy chế biến thức ăn gia súc	KCN Nam Cẩm, Anh Sơn
23	Cụm công nghiệp dệt may	Thành phố Vinh, Nghi Lộc, Cửa Lò, KCN Phú Quý, Anh Sơn
24	Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô	KCN Bắc Vinh
25	Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy vi tính, điện thoại di động	KCN Nam Cẩm, KCN Hưng Tây, thị xã Cửa Lò
26	Nhà máy cán thép	KCN Nam Cẩm
27	Nhà máy sản xuất phôi thép	KCN Hoàng Mai
28	Nhà máy sản xuất hàng da	KCN Nam Cẩm
29	Nhà máy sản xuất soda	Diễn Châu
30	Nhà máy sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông	KCN Nam Cẩm
31	Nhà máy đóng tàu thủy	Cửa Lò, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc
32	Xây dựng các nhà máy thủy điện (Bản Vẽ, Bản Cốc, Nhạn Hạc, Khe Bó, Hòa Na v.v...)	Các huyện miền núi
33	Nhà máy nhiệt điện Nghệ An	Quỳnh Lưu
34	Xây dựng các nhà máy nước phục vụ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và các điểm dân cư tập trung	Các đô thị và điểm dân cư tập trung
III	Dự án Dịch vụ	
35	Trung tâm xúc tiến thương mại và hội chợ triển lãm Nghệ An	Thành phố Vinh
36	Khu thương mại quốc tế Nậm Cắn	Kỳ Sơn
37	Cửa khẩu Thanh Thủy, Thông Thụ	Thanh Chương, Quế Phong
38	Xây dựng hạ tầng vườn quốc gia Pù Mát gắn với phát triển du lịch	Con Cuông
39	Khu du lịch Quỳnh Bảng, Quỳnh Phương, Quỳnh Lập	Quỳnh Lưu
40	Khu du lịch Nghi Thiết, Bãi Lữ, Dền Cuông - Cửa Hiền	Nghi Lộc, Diễn Châu
41	Khu du lịch Hang Bua - Thẩm Ôm, thác Sao Va	Quỳ Châu, Quế Phong
42	Khu du lịch nước khoáng nóng Giang Sơn	Đô Lương
43	Dự án khu du lịch sinh thái lâm viên núi Quyết	Thành phố Vinh
44	Khu lâm viên thành phố Vinh	Thành phố Vinh
45	Xây dựng công viên sinh thái vùng Tây Nam	Con Cuông
46	Tổ hợp sân golf, khách sạn và biệt thự	Cửa Lò
47	Các dự án đầu tư xây dựng khu vui chơi giải trí cao cấp (đường đua xe ô tô, trường đua ngựa v.v...)	

IV	Dự án hạ tầng kỹ thuật	
A	Giao thông	
48	Đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn Hà Nội - Vinh	Trên địa bàn Tỉnh
49	Đường quốc lộ ven biển Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Nghi Lộc - Cửa Lò	Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, Cửa Lò
50	Nâng cấp đường Hồ Chí Minh, đoạn qua tỉnh Nghệ An (4 - 6 làn xe)	Trên địa bàn Tỉnh
51	Nâng cấp, mở rộng QL1A các đoạn: Quán Hành - Quán Bính, Hoàng Mai, Giát, Nam Cẩm	Thành phố Vinh, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu
52	Cầu vượt đường sắt quốc lộ 1 (Quán Bính)	Thành phố Vinh
53	Nâng cấp quốc lộ 7, đoạn Km0 - Km36	Diễn Châu - Đô Lương
54	Mở rộng QL46 cũ, đoạn Rộ - Đô Lương	Thanh Chương - Đô Lương
55	Xây dựng tuyến QL46, đoạn tránh Tp Vinh (giai đoạn 1: Quán Bính - QL1A tránh Vinh, giai đoạn 2: QL1A - Nam Giang)	Thành phố Vinh - Nam Đàn
56	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 48	Diễn Châu, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong
57	Nâng cấp quốc lộ 15A, đoạn Đô Lương - Tân Kỳ	Đô Lương - Tân Kỳ
58	Cầu Nghi Hải (Cửa Hội) - Nghi Xuân (Hà Tĩnh) qua sông Lam gắn với quốc lộ ven biển	Cửa Hội - Nghi Xuân
59	Cầu Nghi Thiết gắn liền với quốc lộ ven biển	Nghi Lộc
60	Cầu Bến Thủy 2 (gắn với đường bộ cao tốc Bắc Nam)	Hung Nguyên - Nghi Xuân
61	Khu dịch vụ vận tải đường bộ Nam thành phố Vinh (bến xe, dịch vụ thương mại, cửa hàng xăng dầu)	Hung Nguyên
62	Khu dịch vụ vận tải đường bộ Bắc TP Vinh (bến xe, dịch vụ thương mại, cửa hàng xăng dầu)	Nghi Lộc
63	Đường trục dọc nối Vinh - Cửa Lò	Thành phố Vinh - Cửa Lò
64	Cầu đường bộ Yên Xuân	Hung Nguyên - Nam Đàn
65	Đường Mường Xén - Tri Lễ - Thông Thụ	Kỳ Sơn, Quế Phong
66	Tuyến đường Xiêng Thù - Yên Tĩnh	Kỳ Sơn, Tương Dương
67	Đường tuần tra biên giới (Tây Nghệ An - Thanh Hóa)	Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn
68	Tuyến đường Châu Thôn - Tân Xuân	Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp, Tân Kỳ
69	Xây dựng đường vào các xã chưa có đường vào trung tâm xã	Các xã
70	Nâng cấp đường vào các xã đường ô tô chưa vào được 4 mùa	Các xã

71	Nâng cấp sân bay Vinh	Nghi Lộc
72	Mở rộng, nâng cấp cảng Cửa Lò	Cửa Lò
73	Xây dựng mới cảng chuyên dụng tiếp nhận than Đông Hồi	Quỳnh Lưu
74	Xây dựng đường sắt cao tốc Bắc Nam, đoạn Hà Nội - Vinh	Trên địa bàn Tỉnh
75	Xây dựng ga hàng hóa đường sắt	Thành phố Vinh
B	Thủy lợi, phục vụ thủy sản	
76	Thủy lợi, thủy điện Bản Mòng	Quỳ Hợp
77	Thủy lợi, thủy điện Thác Muối	Thanh Chương
78	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi ở các huyện miền núi (10 huyện)	Các huyện miền núi
79	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi ở các huyện, thành, thị đồng bằng ven biển	Các huyện, thành, thị đồng bằng ven biển
80	Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ Vẽ Vừng - Quán Hải	Yên Thành
81	Sửa chữa, nâng cấp hồ Vực Mầu	Quỳnh Lưu
82	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Khe Là - Khe Đá	Nghĩa Đàn, Tân Kỳ
83	Xây dựng công trình thủy lợi Nậm Việc	Quế Phong
84	Xây dựng công trình thủy lợi Sao Va	Quế Phong
85	Thủy lợi cho cây chè, cà phê và cây ăn quả	Các huyện miền núi thấp
86	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển	Các huyện có sông lớn, ven biển
87	Cải tạo hệ thống sông cấp nước nuôi trồng thủy sản	Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, thành phố Vinh
88	Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc giữa đất liền và biển: Trung tâm cứu hộ biển phản ứng nhanh	Cửa Lò
C	Hệ thống điện	
89	Nâng cấp và xây dựng mới đường dây và trạm biến thế điện	Toàn Tỉnh
D	Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	
90	Xây dựng Chính phủ điện tử, trang bị thiết bị phần cứng	19 huyện, thành, thị
91	Thành lập công viên công nghệ thông tin	Thành phố Vinh
Đ	Khu kinh tế, khu công nghiệp	
92	Hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	Cửa Lò, Nghi Lộc, Diễn Châu
93	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu A, C của KCN Nam Cẩm	KCN Nam Cẩm

94	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN Hoàng Mai	Quỳnh Lưu
95	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN Phủ Quỳ, Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Hưng Tây (Hưng Nguyên), Nghi Hoa (Nghi Lộc); quy mô 200 - 400 ha/KCN	Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Hưng Nguyên, Nghi Lộc
E	Môi trường	
96	Hệ thống bãi rác và nhà máy xử lý rác thải rắn	Các đô thị và các huyện
97	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị	Các đô thị
98	Xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật	Các điểm bị ô nhiễm đã xác định
V	Dự án văn hóa - xã hội	
99	Trung tâm hội nghị cấp vùng	Cửa Lò
100	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Kim Liên gắn với phát triển du lịch	Nam Đàn
101	Xây dựng tháp truyền hình; trung tâm phát sóng phát thanh - truyền hình khu vực Bắc Trung Bộ	Thành phố Vinh
102	Xây dựng trường quay tổng hợp; trung tâm điện ảnh đa chức năng	Thành phố Vinh
103	Trung tâm văn hóa thanh - thiếu niên Nghệ An	Thành phố Vinh
104	Bảo tàng dân tộc học Bắc Trung Bộ	Thành phố Vinh
105	Quy hoạch, tôn tạo khu di tích Truong Bồn	Đô Lương
VI	Dự án thể dục - thể thao	
106	Xây dựng khu liên hợp thể thao Vinh (cấp vùng)	Thành phố Vinh
VII	Dự án y tế	
107	Bệnh viện đa khoa 700 giường	Thành phố Vinh
108	Xây dựng bệnh viện phụ sản	Thành phố Vinh
109	Xây dựng mới một số bệnh viện chuyên khoa khu vực Bắc Trung Bộ (bệnh viện tim mạch, bệnh viện điều trị ung thư)	Thành phố Vinh
110	Xây dựng trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ cao vào công tác y tế	Thành phố Vinh
111	Xây dựng trung tâm nghiên cứu và chế biến thuốc chữa bệnh	Thành phố Vinh
112	Xây dựng trung tâm y tế dự phòng đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II (cấp khu vực)	Thành phố Vinh
113	Xây dựng bệnh viện đa khoa cao cấp	Cửa Lò
114	Xây dựng trung tâm kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	Thành phố Vinh

VIII	Dự án giáo dục - đào tạo	
115	Nâng cấp trường Đại học Vinh để xứng tầm là trường đại học cấp vùng Bắc Trung Bộ	Thành phố Vinh
116	Nâng cấp trường Cao đẳng Y khoa lên thành Đại học Y Dược Nghệ An	Thành phố Vinh
117	Nâng cấp trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật thành trường Đại học Văn hóa - Nghệ thuật Vinh	Thành phố Vinh
118	Nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Đại học Kinh tế	Thành phố Vinh
119	Nâng cấp Phân hiệu Đại học Xây dựng Hà Nội thành trường Đại học Xây dựng Nghệ An	Cửa Lò
120	Nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An thành trường Đại học Nghệ An	Thành phố Vinh
121	Thành lập trường Đại học tư thục Vạn Xuân	Cửa Lò
122	Nâng cấp trường Kỹ thuật công nghiệp Việt - Hàn, Kỹ thuật Việt - Đức thành các trường cao đẳng kỹ thuật	Thành phố Vinh
123	Thành lập trường Cao đẳng Du lịch Hoan Châu	Diễn Châu
IX	Dự án khoa học và công nghệ	
124	Xây dựng, nâng cấp các trung tâm đo lường, thử nghiệm, kiểm định đạt tiêu chuẩn quốc gia	Thành phố Vinh
125	Thành lập, xây dựng một số phân viện khoa học cấp vùng (nghiên cứu và nuôi trồng thủy sản, khoa học xã hội và nhân văn v.v...)	Thành phố Vinh

*** Ghi chú:** về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.